

Lời mở đầu

Tính cấp thiết của đề tài:

Bước vào thiên niên kỷ thứ ba, khoa học và kỹ thuật đã trở thành yếu tố cốt tử của sự phát triển, là lực lượng sản xuất trực tiếp của nền kinh tế toàn cầu. Điều này được phản ánh rõ trong việc hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển khoa học, kỹ thuật và kinh tế của nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên tùy thuộc vào trình độ sự phát triển cụ thể của từng nước mà xây dựng chiến lược, chính sách phát triển khoa học kỹ thuật mang tính đa dạng và đặc thù đối với từng giai đoạn phát triển cụ thể phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện cơ sở vật chất của mỗi quốc gia. Và điều nổi bật rút ra ở các chiến lược, chính sách đó ở tất cả các nước trên thế giới từ những nước có nền kinh tế hiện đại đứng hàng đầu thế giới như Mỹ, Nhật, Pháp,...cho đến những nước có nền kinh tế chậm phát triển và lạc hậu như Việt Nam, Lào, Campuchia, một số nước Trung Đông...đó chính là quan điểm: "Sự phát triển khoa học và kỹ thuật là một phương hướng quan trọng mới, có tính quyết định trong việc phát triển kinh tế quốc gia..." Bởi vậy việc nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng các chính sách và chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật của các nước trên thế giới và trong khu vực để áp dụng và phát huy một cách sáng tạo vào hoàn cảnh của đất nước mình có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các nước trên con đường công nghiệp hoá hiện đại hoá nói chung và đối với Việt Nam nói riêng hiện nay.

Trong thời đại ngày nay, khi nền văn minh nông nghiệp dần dần nhường chỗ cho nền văn minh công nghiệp thì tương ứng với nó thuật ngữ "công nghiệp hoá - hiện đại hoá" cũng ít được sử dụng mà thay thế vào đó là các thuật ngữ khoa học mang tính chất hiện đại, phù hợp với xu thế của một thời đại mới "thời đại tri thức" như "tăng trưởng", "phát triển", "cắt cánh theo lối hoá rồng"... Mặc dù vậy, chúng ta không thể phủ nhận công nghiệp hoá- hiện đại hoá luôn luôn là vấn đề hàng đầu trong các lí luận về sự phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới. Thật vậy, lịch sử phát triển của nhân loại trong vài trăm năm trước đó đã cho thấy con đường mà các nước chậm tiến cần phải đi theo, không thể là cái gì khác ngoài việc biến đổi nền kinh tế theo cơ cấu hợp lý, phát triển năng động

dựa trên cơ sở khoa học kỹ thuật hiện đại. Để đạt được mục đích đó, điều tất yếu là phải đưa đất nước đi lên con đường công nghiệp hoá- hiện đại hoá bởi đó là phương thức duy nhất để phát triển kinh tế thế giới, và bất kì một quốc gia nào bỏ qua quá trình này đều sẽ trở nên quá chậm, quá lạc hậu so với bước đi của thế giới. Có thể coi đó là quy luật Việt Nam không thể đứng ngoài.

Chúng ta đều biết, công nghiệp hoá được coi là sản phẩm trực tiếp của cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỷ XVII, còn hiện đại hoá là sản phẩm tất yếu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật giữa thế kỷ XX. Ngày nay, trong bối cảnh của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại, công nghiệp hoá gắn liền với hiện đại hoá được xem là nấc thang đánh dấu trình độ phát triển mới của nền văn minh nhân loại. Chúng ta không thể phủ nhận những thành tựu về khoa học cũng như nhiều lĩnh vực khác trong đời sống kinh tế xã hội. Chẳng hạn, việc sử dụng năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời đã làm giảm sự phụ thuộc của con người vào nguồn năng lượng khoáng sản, việc chế tạo ra các tên lửa với công suất cực lớn dùng nhiên liệu hoá học, hỗn hợp ở dạng lỏng hoặc rắn. Với hệ thống động lực mới này, con người đã tạo ra được tốc độ vũ trụ cấp một (7,9km/s), phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên của trái đất (năm 1957), tốc độ vũ trụ cấp hai (11,2 km/s) phóng các tàu vũ trụ thám hiểm các hành tinh thuộc hệ mặt trời như mặt trăng, Sao hoả, Sao kim... (năm 1959) và đặc biệt là đưa con người đặt chân lên mặt trăng (năm 1981) mở ra kỷ nguyên chiến lược chinh phục vũ trụ. Sự ra đời của các vật liệu tổng hợp không những giúp con người giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên không tái sinh được mà cung cấp cho con người nguồn vật liệu mới có tính năng ưu việt hơn và tái sinh được... Do đó vấn đề đặt ra cho mỗi quốc gia trên con đường thực hiện công nghiệp hoá- hiện đại hoá là ở chỗ cần nắm bắt xu thế phát triển tất yếu, khách quan của thời đại, khai thác tối đa những thời cơ, thuận lợi và hạn chế đến mức thấp nhất mọi nguy cơ, bất lợi để thực hiện thành công nghiệp sự nghiệp đó.

Đối với Việt Nam hiện nay, công nghiệp hoá- hiện đại hoá không chỉ là quá trình mang tính tất yếu mà đó còn là một đòi hỏi bức thiết. Đứng trước thực trạng đất nước từ một nền kinh tế tiểu nông đang phấn đấu vươn lên đạt đến mục tiêu: " Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh" lại vốn là một nước nghèo bị chiến tranh tàn phá nhiều năm, tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội vẫn chưa chấm dứt, lạm phát còn ở mức cao, sản xuất chưa ổn định,

bội chi ngân sách lớn, lao động thất nghiệp hoặc không đủ việc làm ngày càng tăng (riêng ở thành thị chiếm tới 7%), tổng sản phẩm quốc dân (GNP) tính theo đầu người thấp nhất thế giới: 220\$ (tháng 9/1993) thấp hơn cả Lào, Bangladesh, chỉ bằng 1/9 Thái Lan, bằng 1/4 của Malaixia, bằng 1/45 của Đài Loan... Gắn liền với nền kinh tế đó lại là lối làm ăn tản mạn, tùy tiện của sản xuất nhỏ; những thói quen cũ của thời kì bao cấp trong sản xuất, kinh doanh vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay, ảnh hưởng không nhỏ tới sự tăng trưởng của nền kinh tế đất nước trong quá trình toà cầu hoá. Vì vậy công nghiệp hoá- hiện đại hoá còn là quy luật tất yếu của quá trình phát triển kinh tế-xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp nhân dân và cả dân tộc.

Nhận thức rõ vai trò đó, Đảng và nhà nước, ta đã có nhiều nghị quyết quan trọng về khoa học - kỹ thuật và khẳng định: "Cùng với giáo dục, đào tạo khoa học và kỹ thuật là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước bằng cách dựa vào khoa học, kỹ thuật" Như vậy, vai trò động lực, là lực lượng sản xuất hàng đầu của khoa học và kỹ thuật đã được Đảng ta nhất quán khẳng định và là điều tất yếu không thể thay đổi được. Song vấn đề đặt ra là làm sao để khoa học và kỹ thuật đảm nhận được vai trò đó? Hay nói cách khác, trong điều kiện đất nước ta hiện nay để phát triển khoa học và kỹ thuật phù hợp với vai trò "Là lực lượng sản xuất hàng đầu trong quá trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá " thì chúng ta phải làm gì? Đó là một vấn đề rất bức bách hiện nay trước thực trạng khoa học - kỹ thuật của đất nước còn phát triển chậm và chưa đi vào cuộc sống mặc dù tiềm năng là không nhỏ.

Nghiên cứu về vấn đề khoa học và kỹ thuật trong sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá không chỉ là công trình khoa học của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, mà còn là của toàn thể xã hội. Và cho tới nay, chúng ta cũng đã thu được nhiều kết quả không nhỏ trong việc nghiên cứu, góp phần giúp cho đất nước hoàn thành mục tiêu là một nước công nghiệp vào những năm 2020. Là một sinh viên, em cũng muốn góp một phần nhỏ công sức của mình vào sự nghiệp nghiên cứu khoa học của đất nước. Nghiên cứu về đề tài "**Vai trò của khoa học và kỹ thuật trong sự phát triển lực lượng sản xuất**" là một vấn đề lớn cần có thời gian và sự hiểu biết cũng như sự đầu tư nhiều. Mặc dù rất cố gắng nhưng em

không thể tránh khỏi những thiếu sót trong việc thu thập thông tin . Song với sự giúp đỡ tận tình của thầy em đã hoàn thành bài viết này.

Em xin chân thành cảm ơn thầy !

CHƯƠNG I

NGUỒN GỐC VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1. Lực lượng sản xuất trong lý luận hình thái kinh tế - xã hội của

Mác:

Xuất phát từ quan niệm cho rằng lịch sử xã hội loài người là quá trình con người thường xuyên sản xuất và tái sản xuất, Mác đã xây dựng nên học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội. Hoạt động sản xuất bao gồm: sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần và sản xuất ra chính bản thân con người là đặc trưng vốn có của xã hội loài người mà trong đó sản xuất vật chất đóng vai trò cực kì quan trọng. Nó là động lực, là nền tảng của các hoạt động sản xuất còn lại của xã hội. Trong quá trình sản xuất vật chất, con người sử dụng các công cụ lao động thích hợp và tác động cải tạo giới tự nhiên nhằm tạo ra của cải vật chất để thoả mãn nhu cầu của mình. Trong sản xuất, con người không chỉ quan hệ với giới tự nhiên mà giữa những con người cần phải có mối liên hệ và quan hệ nhất định với nhau, tức là việc sản xuất chỉ diễn ra trong khuôn khổ của những mối liên hệ và quan hệ xã hội. Có như vậy con người mới có thể biến đổi được giới tự nhiên, biến đổi đời sống xã hội đồng thời biến đổi chính bản thân con người. Trong biện chứng tự nhiên, Ăngghen đã viết "Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó ta phải nói :lao động đã sáng tạo ra bản thân con người ". Như vậy theo quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, trong lịch sử sản xuất vật chất của nhân loại đã hình thành nên mối quan hệ phổ biến đó là: lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất hợp thành phương thức sản xuất. Trong đó lực lượng sản xuất "biểu hiện cho mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, thể hiện năng lực thực tiễn của con người trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất". Lực lượng sản xuất bao gồm người lao động với kĩ năng lao động của họ và tư liệu sản xuất mà trước hết là công cụ lao động. Sức lao động của con người và tư liệu sản xuất, kết hợp với nhau tạo thành lực lượng sản xuất. Và quan hệ sản xuất là "quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất". Mỗi phương thức sản xuất đặc trưng cho một hình thái kinh tế - xã hội nhất định, nó là sự thống nhất giữa lực

lượng sản xuất ở một trình độ nhất định và quan hệ sản xuất tương ứng, đóng vai trò quyết

định đối với tất cả các mặt của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội. Và lịch sử xã hội loài người chẳng qua là lịch sử phát triển kế tiếp nhau của các phương thức sản xuất. Phương thức sản xuất cũ, lạc hậu được thay thế bằng phương thức sản xuất mới tiến bộ hơn. Trong mỗi phương thức sản xuất thì lực lượng sản xuất là yếu tố động đóng vai trò quyết định. Lực lượng sản xuất là thước đo năng lực thực tiễn của con người trong quá trình cải tạo tự nhiên nhằm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển xã hội loài người, làm thay đổi mối quan hệ giữa người với người và từ đó dẫn tới sự thay đổi các mối quan hệ xã hội. Trong tác phẩm "Sự khôn cùng của triết học", Mác viết: " Những quan hệ xã hội đều gắn liền mật thiết với những lực lượng sản xuất mới, loài người thay đổi phương thức sản xuất, cách kiếm sống của mình, loài người thay đổi tất cả những mối quan hệ xã hội của mình". Khi lực lượng sản xuất trước hết là tư liệu sản xuất thay đổi và phát triển thì quan hệ sản xuất tất yếu cũng thay đổi và phát triển theo, khi đó bắt đầu thời đại của một cuộc cách mạng xã hội. Như vậy, lực lượng sản xuất không chỉ là yếu tố khách quan, năng động nhất của phương thức sản xuất mà còn là yếu tố cấu thành nền tảng vật chất của toàn thể nhân loại.

Trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, khoa học đóng vai trò ngày càng to lớn. Sự phát triển của khoa học gắn liền với sản xuất và là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển. Ngày nay, khoa học phát triển và đạt được nhiều thành tựu to lớn. Khi mà con người đã trải qua ba cuộc đại cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, lần thứ hai và lần thứ ba thì khoa học trở thành nguyên nhân trực tiếp của nhiều biến đổi to lớn trong sản xuất, trong đời sống và trở thành "lực lượng sản xuất hàng đầu", là yếu tố không thể thiếu được để làm cho lực lượng sản xuất có động lực để tạo nên những bước phát triển nhảy vọt tạo thành cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện đại. Có thể nói rằng: "khoa học và kỹ thuật hiện đại là đặc trưng cho lực lượng sản xuất hiện đại. Các Mác đã từng dự báo: " Theo đà phát triển của đại công nghiệp, việc tạo ra của cải thực tế trở nên ít phụ thuộc vào trình độ chung của khoa học và vào số lượng lao động đã chi phí hơn vào sức mạnh của những tác nhân được khởi động trong thời gian lao động, và bản thân những tác nhân, đến lượt chúng (hiệu quả to lớn của chúng) tuyệt đối không tương ứng với thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra chúng mà đúng ra chúng phụ thuộc vào trình độ chung của khoa

học và vào sự tiến bộ của kỹ thuật, hay là phụ thuộc vào việc ứng dụng khoa học ấy vào sản xuất ..." và trong thời đại ngày nay đã khẳng định: phát triển xã hội không thể dựa trên nền tảng vững chắc của khoa học- kỹ thuật hiện đại.

Theo quan niệm của Mác, mỗi hình thái kinh tế-xã hội được hình thành từ nhiều yếu tố, nhiều mối quan hệ như: mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng... Các yếu tố, các mối quan hệ này luôn có sự tác động qua lại lẫn nhau tạo thành động lực nội tại của sự phát triển xã hội, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Xuất phát từ quan niệm đó, Mác đã cho rằng ngay trong cùng một hình thái kinh tế-xã hội thì không phải bất cứ lúc nào nó cũng được thể hiện dưới một hình thức giống nhau. Chính vì lẽ đó, Mác đòi hỏi phải vận dụng phương pháp phân tích lịch sử cụ thể khi sử dụng phạm trù hình thái kinh tế-xã hội vào việc xem xét, phân tích một xã hội cụ thể, phải làm rõ được vai trò, vị trí và sự tác động của những quan hệ xã hội đó trong đời sống xã hội. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể rút ra những kết luận có tính quy luật của một xã hội cụ thể khi áp dụng phạm trù hình thái kinh tế-xã hội vào việc nghiên cứu xã hội đó. Và xét cho đến cùng, thì sự sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực xã hội mới là yếu tố quyết định tiến trình phát lịch sử của nhân loại hàng nghìn năm qua. Ph. Anghen nói: " Theo quan niệm duy vật về lịch sử, nhân tố quyết định trong quá trình lịch sử xét đến cùng là sản xuất và tái sản xuất đời sống hiện thực. Cả tôi lẫn Mác chưa bao giờ khẳng định gì hơn thế...". Lịch sử phát triển của xã hội loài người trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, ứng với mỗi giai đoạn của sự phát triển đó là một hình thái kinh tế xã hội nhất định, và sự tiến bộ xã hội chính là sự vận động theo hướng hoàn thiện dần của các hình thái kinh tế xã hội, là sự thay đổi hình thái kinh tế xã hội lạc hậu lỗi thời bằng hình thái kinh tế xã hội tiên bộ, hiện đại hơn mà gốc rễ sâu xa của nó là sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất. Nó là nền tảng, là cơ sở vật chất-kỹ thuật, là yếu tố quyết định sự hình thành, phát triển và thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế-xã hội. Mác viết: "Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế-xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên" nhưng sự phát triển xã hội chẳng những có thể diễn ra bằng con đường phát triển tuần tự từ hình thái kinh tế-xã hội này lên hình thái kinh tế - xã hội khác, mà còn có thể diễn ra bằng con đường bỏ qua một giai đoạn phát triển nào đó, một hình thái kinh tế-xã hội nào đó trong những điều kiện khách quan và hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Dựa trên những tư tưởng cụ thể của học thuyết Mác về hình thái kinh tế xã hội với vai trò then chốt của lực lượng sản xuất là cơ sở lý luận cho phép chúng ta khẳng định sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng XHCN là nhiệm vụ trung tâm xuyên suốt trong thời kỳ quá độ lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển CNTB, là quy luật khách quan trong quá trình phát triển của dân tộc ta.

2. Khoa học và kỹ thuật trong nền kinh tế toàn cầu.

Trong nửa thế kỷ qua, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và tạo ra công ăn việc làm luôn luôn đứng ở vị trí cao trong danh mục những ưu tiên hàng đầu của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển. Kết quả của nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học đã cho thấy rằng ít nhất một nửa mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu là nhờ những tiến bộ khoa học-kỹ thuật đem lại thông qua việc chúng góp phần làm tăng thêm hiệu quả đầu tư của các nguồn vốn và năng suất lao động xã hội cũng như tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Chính vì vậy khoa học và kỹ thuật đóng vai trò rất lớn trong các chiến lược tăng trưởng kinh tế của các nước phát triển và đang phát triển. Sự thành công của các nước trong việc đạt tới những mục tiêu về khoa học kỹ thuật để tạo ra tăng trưởng kinh tế đã tác động trực tiếp tới sức cạnh tranh và dẫn tới kết quả là làm tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nếu như trong thiên niên kỷ thứ nhất, than đá, sức gió, sức nước, sức mạnh cơ bắp của người và gia súc là nguồn năng lượng chủ yếu thì tới gần thiên niên kỷ thứ hai, đó là dầu khí, máy hơi nước, điện, năng lượng nguyên tử phân hạch. Hiện nay nhân loại đang tiến vào thiên niên kỷ thứ ba dựa trên nền tảng của các ngành công nghiệp cao như kỹ thuật thông tin, kỹ thuật năng lượng hạt nhân, tổng hợp nhiệt hạch, kỹ thuật nanô... Có thể nói rằng từ vị trí đi sau, tổng hợp các kinh nghiệm ở hai thiên niên kỷ đầu, khoa học và kỹ thuật đã trở thành động lực phát triển hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới, là lực lượng dẫn đường và là lực lượng sản xuất trực tiếp của nền kinh tế toàn cầu hoá. Có thể nói đây là cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật mới nhất trong khoa học tự nhiên, là cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại. Để làm rõ vai trò của khoa học kỹ thuật trong nền kinh tế toàn cầu, ta cần tìm hiểu thế nào là khoa học, kỹ thuật, là cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại.

Khoa học là một khái niệm thể hiện ở nhiều nội dung khác nhau: khoa học là một hình thái ý thức xã hội, là một công cụ nhận thức; khoa học là một lĩnh vực hoạt động xã hội; khoa học là một hệ thống tri thức của nhân loại được thể hiện bằng những khái niệm, phán đoán, học thuyết... Tuy nhiên định nghĩa cho rằng khoa học là một hệ thống chỉnh thể các tri thức của tiến trình lịch sử xã hội được coi là định nghĩa đầy đủ nhất dưới góc độ lịch sử phát triển của khoa học. Ngoài ra, khoa học còn được hiểu là quá trình hoạt động của con người để có được hệ thống tri thức về thế giới với chức năng làm cho con người nắm được những quy luật của hiện thực khách quan, ngày càng làm chủ được những điều kiện sinh hoạt tự nhiên và xã hội

Kỹ thuật trước hết là tập hợp tri thức gắn liền và tương ứng với một tập hợp kỹ thuật (Như máy móc, thiết bị, phương tiện...) bao gồm các tri thức về phương pháp, kỹ năng, bí quyết, kinh nghiệm... được sử dụng theo một quy trình hợp lý để vận hành, tập hợp kỹ thuật đó, tác động vào đối tượng lao động tạo ra sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của con người. Kỹ thuật từ chỗ chỉ dùng trong các hoạt động lao động sản xuất ra của cải vật chất theo sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu thì giờ đây khái niệm đó được sử dụng với nghĩa rộng hơn và trong nhiều lĩnh vực hoạt động của con người.

Nếu như trong nhiều thế kỷ trước đây khoa học chỉ phát triển một cách độc lập riêng rẽ thì tới đầu thế kỷ 20 mối quan hệ mật thiết giữa khoa học- kỹ thuật đã tạo nên cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại của xã hội loài người, đánh dấu "quá trình khoa học kỹ thuật biến thành lực lượng sản xuất trực tiếp là điều kiện cần để đưa lực lượng sản xuất lên một bước phát triển mới". Cho tới nay chưa có một công trình nào đưa ra định nghĩa cụ thể về cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại, song về đại thể ta có thể hiểu đó là sự thay đổi căn bản trong bản thân các lĩnh vực khoa học kỹ thuật cũng như mối quan hệ và chức năng xã hội của chúng, khiến cho cơ cấu và động thái phát triển của các lực lượng sản xuất cũng bị thay đổi hoàn toàn. Ở nét khái quát nhất có thể định nghĩa cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại là sự biến đổi tận gốc lực lượng sản xuất của xã hội hiện đại, được thực hiện với vai trò dẫn đường của khoa học kỹ thuật trong toàn bộ chu trình: "khoa học - kỹ thuật - sản xuất- con người - môi trường". Có thể nói rằng sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã đưa văn minh nhân loại quá độ sang một giai đoạn phát triển mới về chất. Đó là kết

quả của quá trình tích lũy lâu dài các kiến thức khoa học của việc đổi mới kỹ thuật sản xuất, và việc tăng quy mô sử dụng kỹ thuật mới. Trong đó sự phát triển có tính tiến hoá và các dịch chuyển có tính chất có tính cách mạng đã cùng tạo điều kiện cho nhau phát triển. Trong lĩnh vực sản xuất cũng như trong các ngành tri thức khoa học đều có thể quan sát thấy những sự luân phiên đặc sắc của cuộc nhảy vọt và sự phát triển tuần tự trong nhiều lĩnh vực như :

Trong ngành năng lượng, sử dụng năng lượng nước, cơ bắp, gió, than, điện, dầu lửa rồi năng lượng nguyên tử và hiện nay chính là năng lượng nhiệt hạch.

Trong lĩnh vực sản xuất, từ hợp tác lao động giản đơn qua giai đoạn công trường thủ công rồi tiến lên phương thức sản xuất đại cơ khí với các quy trình sản xuất và kỹ thuật được cơ giới hoá tổng hợp, xuất hiện các hệ thống máy móc, tạo ra các máy tự động, tự động hoá đồng bộ, hệ thống sản xuất linh hoạt.

Trong sản xuất vật liệu, chuyển từ nguyên liệu nông nghiệp, các loại vật liệu xây dựng truyền thống (như gỗ, gạch, đá...), sử dụng kim loại đen (như sắt gang...) là chủ yếu sang sử dụng kim loại màu, chất dẻo, bê tông, các vật liệu kết cấu (composite), vật liệu thông minh vật liệu siêu dẫn...

Trong kỹ thuật sản xuất, chế tạo từ sản xuất thủ công, tiến lên bán tự động rồi tới kỹ thuật tự động hoá(tự động hoá thiết kế - chế tạo...), kỹ thuật thông tin (tin học, viễn thông vũ trụ...) kỹ thuật nano, kỹ thuật sinh học, kỹ thuật hạt nhân, kỹ thuật không gian, kỹ thuật vật liệu mới...

Sự khởi đầu của cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đã đưa con người tiến vào một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên của tri thức. Đây là bước quá độ trong sự phát triển khoa học và kỹ thuật hoàn toàn chỉ dựa trên cơ sở khoa học trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và các ngành sản xuất vật chất, biến bản thân khoa học thành nền công nghiệp tri thức trong thời đại tri thức, nền kinh tế công nghiệp sẽ trở thành nền kinh tế thông tin (hay còn gọi là nền kinh tế tri thức, nền kinh tế tin học, nền kinh tế mạng...)

Như vậy cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại dựa trên cơ sở cốt lõi là cuộc cách mạng vi điện tử diễn ra từ đầu thập niên 60 và các thành tựu khoa học kĩ thuật lớn nhất của thế kỉ XX thì đó là "bước quá độ dưới sự chỉ đạo với

vai trò dẫn đường của khoa học sang quá trình tổ chức lại về căn bản kỹ thuật sản xuất, điều tiết các quy trình kỹ thuật với quy mô ngày càng tăng, tổ chức lại tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội dựa trên cơ sở những ngành kỹ thuật cao mà các cuộc cách mạng trước đó chưa đủ điều kiện tạo ra một cách hoàn chỉnh như :Kỹ thuật thông tin, kỹ thuật sinh học, kỹ thuật vật liệu mới, kỹ thuật năng lượng mới kỹ thuật tự động hoá trên cơ sở kĩ thuật vì điện tử ". Thâm nhập vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đã tạo điều kiện tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực xã hội. Cho phép chi phối tương đối các phương tiện sản xuất để cùng tạo ra cùng một khối lượng hàng hoá tiêu dùng. Kết quả là kéo theo sự thay đổi cơ cấu của nền sản xuất xã hội ,làm thay đổi tận gốc lực lượng sản xuất mà khoa học kỹ thuật là yếu tố hàng đầu. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đã tác động sâu sắc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội loài người,đưa con người tiến vào thời đại mới- thời đại của nền kinh tế tri thức.

CHƯƠNG II

CÔNG NGHIỆP HOÁ -HIỆN ĐẠI HOÁ Ở VIỆT NAM

I: Sự hình thành và phát triển công nghiệp hoá -hiện đại hoá ở Việt

Nam.

1.1 Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá là gì ?

Lịch sử loài người trải qua 5 -6 ngàn năm (Trước thế kỷ XVIII) thời kỳ công trường thủ công, gần 300 năm thời kỳ đại công nghiệp cơ khí nhưng chỉ mất gần 120 năm để hoàn thành thời kỳ công nghiệp hoá đầu tiên, sau đó ở các nước Mỹ, Tây Âu chỉ tiến hành công nghiệp hoá trong vòng 80 năm, Nhật Bản 60 năm...và ngày nay Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới đang tích cực rút ngắn khoảng cách, tiến dần tới nền văn minh nhân loại cũng chính bằng Công nghiệp hoá-hiện đại hoá. Các nước đã đi qua giai đoạn phát triển TBCN đi vào thời kỳ quá độ lên CNXH tiến hành thực hiện quá trình tái công nghiệp nhằm điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật và kỹ thuật hiện đại theo yêu cầu của chế độ xã hội hội mới. Các nước có nền kinh tế phát triển chậm nhất là các nước nông nghiệp lạc hậu thì tiến lên CNXH để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhất thiết phải công nghiệp hoá để tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật làm tiền đề cho sự phát triển kinh tế-Xã hội. Vậy ta nên hiểu về phạm trù công nghiệp hoá như thế nào ?

Quan niệm đơn giản nhất về công nghiệp hoá cho rằng: "công nghiệp hoá đưa đặc tính công nghiệp cho một hoạt động, trang bị (cho một vùng, một nước), các nhà máy, các loại công nghiệp...". Quan niệm mang tính triết tự này được hình thành dựa trên cơ sở khái quát quá trình hình thành lịch sử công nghiệp hoá ở các nước Tây Âu, Bắc Mỹ.

Nghiên cứu định nghĩa về phạm trù công nghiệp hoá của các nhà kinh tế Liên Xô (cũ), Cuốn "Giáo khoa về kinh tế chính trị" của Liên Xô được dịch sang tiếng Việt đã định nghĩa: "công nghiệp hoá XHCN là phát triển đại công nghiệp, trước hết là công nghiệp nặng, sự phát triển cần thiết cho việc cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân dựa trên cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến. Cuốn từ điển

tiếng Việt đã giải thích: "Công nghiệp hoá là quá trình xây dựng nền sản xuất cơ khí lớn trong tất cả các ngành của nền kinh tế quốc dân"

và đặc biệt công nghiệp nặng dần tới sự tăng nhanh trình độ trang bị kỹ thuật cho lao động và nâng cao năng suất lao động. Quan điểm công nghiệp hoá là quá trình xây dựng và phát triển đại công nghiệp trước hết là công nghiệp nặng của các nhà kinh tế học Liên Xô (cũ) được chúng ta tiếp nhận, áp dụng vào Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá của đất nước ngay từ những năm 1960 với nội dung chủ đạo là "Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời gia sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ...nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH". Nhưng trên thực tế, chúng ta đã phải trả giá cho sự nghiệp công nghiệp hoá XHCN theo kiểu đó khi áp đặt mô hình công nghiệp hoá XHCN ở Liên xô vào nước ta mà không xuất phát từ thực trạng đất nước là một nước nông nghiệp lạc hậu. Tuy nhiên, dù không đạt được mục tiêu đề ra trong những năm đầu tiến hành công nghiệp hoá nhưng cũng nhờ đó mà chúng ta đã xây dựng được một cơ sở vật chất kỹ thuật nhất định, tạo ra tiềm lực mới về nhiều mặt đặc biệt là kinh tế, quốc phòng, văn hoá, chính trị...góp phần cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, bảo đảm được phần nào đời sống vật chất của nhân dân.

Đến năm 1963, tổ chức phát triển công nghiệp của liên hiệp quốc đã đưa ra định nghĩa về Công nghiệp hoá là: "Công nghiệp hoá một quá trình phát triển kinh tế". Trong quá trình này, một bộ phận ngày càng tăng các nguồn của cải quốc dân được động viên để phát triển cơ cấu kinh tế nhiều ngành ở trong nước với kỹ thuật hiện đại. Đặc điểm của cơ cấu kinh tế này là "có một bộ phận luôn thay đổi để sản xuất ra tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và có khả năng đảm bảo cho toàn bộ nền kinh tế và xã hội ".Theo quan điểm này, quá trình công nghiệp hoá được hiểu là quá trình rộng lớn và sâu sắc với nhiều mục tiêu chứ không phải chỉ nhằm thực hiện một mục tiêu duy nhất là kinh tế kỹ thuật như trước kia. Dựa trên cơ sở kỹ thuật đó, chúng ta nhận thức rõ được sai lầm của mình trên con đường công nghiệp hoá XHCN theo kiểu cũ, cứng nhắc và kém hiệu quả. Cả lý luận và thực tiễn đều chỉ ra rằng: Quá trình phát triển đầy khó khăn, thử thách từ tình trạng kinh tế lạc hậu sang trạng thái kinh tế phát triển hiện đại không thể không tiến hành công nghiệp hoá và cùng với công nghiệp hoá là hiện đại hoá. Công nghiệp hoá phải gắn liền với hiện đại hoá và là hai quá trình nối tiếp và đan xen lẫn nhau. Trước đó, ở các nước Mỹ và Tây Âu, họ đã tiến hành công nghiệp hoá khá lâu rồi

mới đi vào hiện đại hoá và cho tới nay, quá trình này vẫn còn đang tiếp tục. Ta có thể hiểu: Hiện đại hoá là quá trình chống lại sự tụt hậu của sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang diễn ra trên thế giới. Như vậy, xét về mặt lịch sử quá trình công nghiệp hoá diễn ra trước quá trình hiện đại hoá. Kinh nghiệm của cuộc đổi mới đất nước theo định hướng XHCN ở nước ta cho thấy rằng: "công nghiệp hoá nhất thiết phải gắn liền với hiện đại hoá". Tại hội nghị Trung ương khoá VII (Tháng 7/1994) và khoá VIII (Tháng 6/1995) Đảng ta đã khẳng định: "Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với kỹ thuật và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tạo ra năng suất lao động xã hội cao" (*Văn kiện hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung Ương khoá VIII*).

Với quan niệm này, về cơ bản đã phản ánh được phạm vi rộng của quá trình Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá, chỉ ra được cái cốt lõi của nó là cải biến lao động thủ công, lạc hậu thành lao động sử dụng lao động tiên tiến, hiện đại để đạt được năng suất lao động cao, gắn công nghiệp hoá với hiện đại hoá, xác định rõ vai trò của công nghiệp, của khoa học - kỹ thuật trong sự nghiệp công nghiệp hoá. Như vậy về cơ bản công nghiệp hoá theo định hướng XHCN: "là một cuộc cách mạng sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội."

1.2 Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá là quá trình tất yếu khách quan

Ngay từ những năm 60, khi bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, Đảng và nhà nước ta đã nhận rõ tính quy luật và vai trò Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá trong tiến hành vận động, phát triển của các nước trên thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng và xác định: "Công nghiệp hoá là nhiệm vụ trung tâm thời kì quá độ lên CNXH". Với đường lối công nghiệp hoá XHCN chủ trương phát triển công nghiệp nặng mà trọng tâm là ngành cơ khí chế tạo đã dẫn đến những sai lầm cơ bản về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Trong suốt hơn một phần tư thế kỉ, chúng ta đã đặt công nghiệp hoá XHCN ở vị trí đối lập hoàn toàn với "công nghiệp hoá TBCN", coi việc phát triển công nghiệp là giải pháp đúng đắn

để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH mà "quên" mất vai trò của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ trong nền kinh tế quốc dân. Chúng ta chỉ đơn giản coi công nghiệp hoá là "Một quá trình xây dựng nền sản xuất được cơ khí hóa trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân". Quan niệm này bắt nguồn từ nhận thức giáo điều, máy móc của Đảng và nhà nước ta về mô hình công nghiệp hoá XHCN của Liên Xô mà không xuất phát từ thực trạng kinh tế xã hội của đất nước cũng như bối cảnh quốc tế lúc bấy giờ. Trong những năm đầu tiến hành công nghiệp hoá đất nước, tuy nền công nghiệp của nước ta đã được đầu tư khá lớn nhưng với quan niệm như vậy về công nghiệp hoá đã dẫn đến hiệu quả của quá trình công nghiệp hoá rất thấp, thậm chí còn kéo theo cả nông nghiệp và công nghiệp nhẹ cũng rơi vào tình trạng đình trệ nghiêm trọng. Nhiều nhà máy, xí nghiệp quốc dân làm ăn thua lỗ kéo dài, tỷ trọng của ngành công nghiệp trong tổng sản phẩm quốc dân không đáng kể, nợ nước ngoài chồng chất, đời sống của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Nghiêm trọng hơn, nền kinh tế lâm vào tình trạng thiếu hụt lớn, mất cân đối một cách căn bản, không có tích lũy và rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài. Sự phát triển kinh tế chỉ chú trọng vào chiều rộng đã không tạo ra được những yếu tố cần thiết để phát triển theo chiều sâu, tính năng động và sáng tạo của cá nhân cũng như tập thể bị kìm hãm và không có cơ hội được thể hiện và điều tất yếu là chúng ta phải trả một giá quá đắt cho đường lối công nghiệp hoá XHCN theo kiểu đó.

Nhận thức được hậu quả đó, Đảng và nhà nước ta đã kịp thời đưa ra chiến lược công nghiệp hoá mới phù hợp với hoàn cảnh đất nước. Thế nhưng khi loại bỏ đường lối "công nghiệp hoá XHCN" theo lối cũ, người ta bỏ luôn cả công nghiệp hoá chỉ nhắc đến "phát triển", "tăng trưởng", "cất cánh"...chứ không đề cập tới công nghiệp hoá nữa. Nhưng thử hỏi những khái niệm đó đặt trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay sẽ là gì nếu không phải chính là công nghiệp hoá. Việc chúng ta từ bỏ một quan điểm sai lầm về công nghiệp hoá và cách thức tiến hành công nghiệp hoá theo lối chủ quan duy ý chí, kém hiệu quả hoàn toàn không có ý nghĩa là phủ nhận tính tất yếu khách quan của công nghiệp hoá. Mọi lý thuyết về phát triển trên thế giới hiện thời đều không bỏ qua một trong những nội dung chủ yếu không thể thiếu của nó là công nghiệp hoá. Đảng và nhà nước ta xác định: "Xây dựng đất nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại,

cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, an ninh quốc phòng vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy đối với một nước nghèo như Việt Nam, không còn con đường phát triển nào khác ngoài con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ngày nay trên thế giới, công nghiệp hoá vẫn được coi là phương hướng chủ đạo, là con đường tất yếu phải trải qua của các nước đang phát triển. Ở nước ta khi những tư tưởng cơ bản trong học thuyết của CacMác về hình thái kinh tế-xã hội được nhận thức lại một cách sâu sắc với tư cách là cơ sở lý luận cho công cuộc đổi mới đất nước. Công nghiệp hoá được xem là một quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã hội nhằm cải biến xã hội, gắn với việc hình thành bản chất ưu việt của chế độ mới. So với các nước trong khu vực có điểm xuất phát tương tự như nước ta hiện nay, chúng ta đang ở tình trạng tụt hậu xa hơn. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực hiện thời, chúng ta cần và có thể tiến hành "công nghiệp hoá đuổi kịp", đồng thời "công nghiệp hoá gắn liền với hiện đại hoá" đã mở ra con đường tất, rút ngắn khoảng cách giữa các nước đang phát triển với các nước tiên tiến. Thực tế lịch sử đã cho thấy: Nhiều nước châu Á như: Singapo, Đài Loan, Hàn Quốc...chỉ trong một thời gian ngắn từ một nước kém phát triển đã trở thành một nước công nghiệp mới (NIC). Đó là những tấm gương kinh nghiệm cho chúng ta học hỏi và vươn lên

.Công nghiệp hoá đi đôi với hiện đại hoá kết hợp những bước tiến tuần tự về kỹ thuật với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt đón đầu hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học - kỹ thuật thế giới. Một điều rõ ràng là chúng ta không thể thực hiện tốt quá trình công nghiệp hoá với nội dung căn bản là cơ khí hoá các ngành của nền kinh tế quốc dân rồi mới tiến hành hiện đại hoá. Mặt khác khi thực hiện cơ khí hoá các ngành sản xuất, ta không thể dựa trên cơ sở sử dụng máy móc lạc hậu mà phải sử dụng kỹ thuật và kỹ thuật sản xuất hiện đại. Với ý nghĩa đó, công nghiệp hoá phải gắn liền với hiện đại hoá. Trong thời đại hiện nay, Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá ở nước ta có nhiều đặc điểm khác với Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá ở nhiều nước khác, nhưng xét về tổng thể nó là một quá trình rộng lớn, phức tạp bao hàm những nội dung cơ bản sau:

Một là : Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình trang bị và trang bị lại kỹ thuật hiện đại cho tất cả các ngành kinh tế quốc dân, trước hết là các ngành chiếm vị trí trọng yếu. Lịch sử công nghiệp hoá trên thế giới cho thấy rằng, quá trình công nghiệp hoá gắn liền với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và kỹ thuật. Đến giữa thế kỉ XX, cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện đại lại tạo ra những bước đột phá mới trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, đem lại tính chất hiện đại cho các tư liệu sản xuất, cho kỹ thuật, trình độ tổ chức và quản lý tiên tiến vv... Đó là những yếu tố cấu thành nội dung kỹ thuật mà sự phát triển của nó là vấn đề cốt lõi của Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá. Chính vì vậy trong thời đại ngày nay, công nghiệp hoá luôn đòi hỏi phải trang bị và trang bị lại kỹ thuật cho các ngành kinh tế gắn liền với quá trình công nghiệp hoá ở cả phần cứng lẫn phần mềm của kỹ thuật. Tuy nhiên, cách thức tiến hành ở các nước lại không giống nhau, có nước tiến hành bằng cách tự nghiên cứu , sáng chế, tự trang bị kỹ thuật mới cho các ngành kinh tế trong nước , một số nước khác lại tiến hành thông qua chuyển giao kỹ thuật, có nước thì kết hợp giữa hai hình thức tự nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật. Như vậy có thể nói công nghiệp hoá- hiện đại hoá là quá trình chuyển nền sản xuất xã hội từ trình độ kỹ thuật thấp lên trình độ kỹ thuật hiện đại cùng với sự dịch chuyển lao động thích ứng cơ cấu ngành, nghề.

Hai là: Quá trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá không chỉ liên quan tới phát triển công nghiệp mà là quá trình bao hàm tất cả các ngành ,các lĩnh vực hoạt động của một nước. Nó thúc đẩy việc hình thành một cơ cấu kinh tế mới, hợp lý cho phép khai thác tốt nhất nguồn lực và lợi thế của đất nước. Nền kinh tế của mỗi nước là một thể thống nhất các ngành, các lực lượng quan hệ biện chứng với nhau, sự thay đổi ở ngành kinh tế, sự thay đổi ở ngành kinh tế, ở lĩnh vực hoạt động này sẽ kéo theo sự thay đổi ở các ngành các lĩnh vực khác và ngược lại. Vì thế, quá trình Công nghiệp hoá- Hiện đại hoá gắn liền với quá trình phân công lao động xã hội với những đặc điểm mang tính quy luật. Xét về tổng thể, cơ cấu kinh tế của mỗi nước được cấu thành bởi ở bộ phận nông nghiệp - công nghiệp và dịch vụ.

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá sự chuyển dịch các ngành diễn ra theo xu hướng từ nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ đến công nghiệp - nông nghiệp dịch vụ. Ở giai đoạn đầu nông nghiệp giữ vị trí then chốt nhưng

đến một trình độ phát triển nhất định khi nhu cầu về lương thực, thực phẩm được bảo đảm thì công nghiệp sẽ được đẩy lên trên. Tuy công nghiệp hoá không đồng nhất với phát triển công nghiệp nhưng không thể tiến hành công nghiệp hoá nếu không phát triển công nghiệp vững mạnh, chiếm vị trí hàng đầu trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân. Bên cạnh đó, các hoạt động dịch vụ còn là điều kiện để phát triển các ngành kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân

Ba là: Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá là quá trình kinh tế, kỹ thuật vừa quá trình kinh tế-xã hội. Trong quá trình đẩy mạnh Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá, quá trình kinh tế-xã hội có quan hệ biện chứng với nhau ở cả tầm vĩ mô lẫn vi mô, và với cả quá trình kinh tế - kỹ thuật. Với ý nghĩa đó khi xem xét sự tác động và hiệu quả của công nghiệp hoá phải có quan điểm toàn diện không dừng lại ở khía cạnh kinh tế-kỹ thuật mà phải xem xét khía cạnh kinh tế-xã hội của nó. Do đó xét cho đến cùng Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá là quá trình xây dựng và phát triển văn hoá, trong đó nguồn lực con người, gia tăng giá trị và vai trò con người là nội dung cốt lõi.

Bốn là: Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá cũng đồng thời là quá trình mở rộng kinh tế quốc tế trong điều kiện hiện nay nền kinh tế nước ta không thể tăng trưởng và phát triển mạnh nếu không thiết lập mối quan hệ kinh tế với nước ngoài. Bởi vậy Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá theo hướng hội nhập quốc tế nhằm thu hút vốn đầu tư, kỹ thuật thị trường, kinh nghiệm của các nước đi trước đẩy mạnh chiến lược xuất khẩu, năng lực cạnh tranh đã trở thành một xu thế chung của thời đại. Mỗi nước trở thành một bộ phận của hệ thống kinh tế thế giới có tác động tương hỗ lẫn nhau và chịu sự biến động kinh tế-xã hội chung của thế giới. Vì thế, cần phải tính đến việc gắn Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá với việc xây dựng hệ thống kinh tế mở, tăng cường quan hệ thương mại, tích cực liên kết kinh tế quốc tế.

Năm là: Công nghiệp hoá-Hiện đại hoá không phải là mục đích tự thân mà là một phương thức có tính phổ biến để thực hiện mục tiêu phát triển của mỗi nước. Bản thân công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một hiện tượng có tính phổ biến, nghĩa là từ kém phát triển trở thành phát triển, từ lạc hậu trở thành tiên tiến hiện đại, các nước đều phải tiến hành Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá với những nét chung là quá trình trang bị kỹ thuật hiện đại cho các ngành

kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật hiện đại, khai thác có hiệu quả các nguồn lực của đất nước tạo ra năng suất lao động xã hội cao, bảo đảm nhịp độ phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững.

Có thể nói rằng, Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá ở nước ta hiện nay là một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực của đời sống của xã hội, mà nhiệm vụ lớn lao của cuộc cách mạng đó là" tạo ra những điều kiện thiết yếu về vật chất-kỹ thuật, về con người và khoa học-kỹ thuật. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, không ngừng tăng năng suất lao động xã hội, làm tăng hiệu quả thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

2: Tính đặc thù của Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá ở nước ta.

Trong những năm qua sự nghiệp Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá về cơ bản đã làm thay đổi bộ mặt đất nước và cuộc sống nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ XHCN, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên thị trường quốc tế. Nhưng bên cạnh đó ,nền kinh tế nước ta vẫn chưa có sự phát triển vững chắc,hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, các vấn đề về văn hoá-xã hội ngày càng trở nên bức xúc, gay gắt, cơ chế chính sách không đồng bộ và chưa tạo được động lực mạnh mẽ để phát triển...Trong hoàn cảnh đó, Đảng ta vẫn kiên định thực hiện đường lối đẩy mạnh Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ để nhanh chóng đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại .

Nhận định về tình hình phát triển của thế giới trong thế kỉ XXI. Nghị quyết đại hội của Đảng đã nêu rõ: "Thế kỉ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi ,khoa học và kỹ thuật sẽ có bước nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan". Những nét mới ấy trong tình hình thế giới và khu vực tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt nhân dân ta có cả cơ hội lẫn thách thức lớn. Mặc dù chúng ta còn nhiều thiếu sót trong thực tiễn tiến hành Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá mà chúng ta cần khắc phục và sửa chữa nhưng nhìn chung, cả thế và lực của nước ta đều có sự biến đổi rõ rệt về chất. Chúng ta đã thoát khỏi các cuộc khủng hoảng nghiêm trọng kéo dài, tạo ra được tiền đề cần thiết để chuyển sang giai đoạn mới, đẩy mạnh Công nghiệp hoá - Hiện đại

hoá đất nước. Không những vậy đất nước còn có nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên cũng như nguồn lực con người, tình hình chính trị xã hội cơ bản ổn định, nhân dân đặt niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, môi trường hoà bình sự hợp tác quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực, nguồn vốn, kỹ thuật mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường. Bên cạnh đó là những thách thức mà các nước đang tiến hành Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá như nước ta phải tính đến là ưu thế về nguồn lao động và nguyên liệu ngày càng giảm so với sự phát triển của kỹ thuật tự động hoá, chất lượng lao động ổn định đang làm giảm ưu thế về việc xuất khẩu lao động sang các nước phát triển. Mặt khác, kỹ thuật tiên tiến đã nâng tỷ trọng chất xám trong giá thành sản phẩm khiến cho giá thành của các nguồn nguyên liệu thô và nguyên liệu sơ chế có kèm theo lượng chất xám thấp giảm đi nhanh chóng. Điều này đã và đang đe dọa nghiêm trọng tới xu hướng xuất khẩu nguyên liệu ở các nước, trong đó có Việt Nam. Vì vậy việc lựa chọn đi theo con đường Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá tất yếu phải giải quyết những thách thức đó. Trước hết, khó khăn trong việc giải quyết những thách thức này là do đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của chúng ta còn thiếu và yếu, bất cập với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật. Ngoài ra Đảng ta còn phải xây dựng cơ vật chất kỹ thuật vững mạnh, kết cấu hạ tầng tương xứng để tiến hành các công trình nghiên cứu thực nghiệm, sử dụng kỹ thuật và một hệ thống thông tin cho việc định hướng, lựa chọn kỹ thuật. Việc này cần rất nhiều vốn trong khi đó tình hình ngân sách nước ta hết sức hạn hẹp, tình trạng thiếu vốn là phổ biến. Vì vậy trong điều kiện: "Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển mạnh và vững mạnh, tạo ra các thế lực mới, đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, đảm bảo phát triển đúng hướng. Việc nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta". (Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, NXB chính trị quốc gia Hà Nội năm 1996, trang 79-80 và văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần IX, NXB chính trị quốc gia Hà Nội năm 2001 trang 67-68)

Như vậy, đối với đất nước ta hiện nay, vấn đề đặt ra là cần tiến hành Công nghiệp hoá - hiện đại hoá như thế nào cho thích hợp? Trong bối cảnh

mà cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện đại đang phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu và xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế ngày càng sâu rộng, mô hình công nghiệp hoá hỗn hợp (kết hợp giữa thay thế nhập khẩu với đẩy mạnh xuất khẩu) theo hướng hội nhập quốc tế là xu hướng có triển vọng rất lớn ở nước ta, về cơ bản Công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước cũng vận động theo hướng đó. Nhưng xét theo cụ thể, với phương châm "rút ngắn khoảng cách, vừa có những bước tuần tự vừa có những bước nhảy vọt" công cuộc Công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở nước ta không những khác các nước khác về nội dung, hình thức, quy mô, cách thức tiến hành mà khác cả về mục tiêu chiến lược. Chính sự khác biệt này đã làm nên tính đặc thù của sự nghiệp Công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở nước ta :

Thứ nhất: Công nghiệp hoá gắn liền với hiện đại hoá. Kết hợp kỹ thuật truyền thống với kỹ thuật hiện đại, tranh thủ đi sâu vào hiện đại hoá ở những khâu quyết định. Trong điều kiện cách mạng khoa học-kỹ thuật hiện đại đang có những bước phát triển nhanh chóng với xu thế quốc tế hoá nền kinh tế hiện nay, công nghiệp hoá phải gắn liền với hiện đại hoá. Thực chất của quá trình hiện đại hoá nền kinh tế là không ngừng nâng cao trình độ phát triển của lực lượng sản xuất theo tiến trình phát triển của khoa học và kỹ thuật trên thế giới. Tuy nhiên, nếu ta không kịp thời sử dụng các kỹ thuật và kỹ thuật hiện đại để hiện đại hoá nền kinh tế thì nguy cơ tụt hậu sẽ rất cao. Nhưng nếu dồn mọi sự đầu tư cho việc trang bị kỹ thuật và kỹ thuật thì lại có nguy cơ lãng phí về tiền năng và nảy sinh nhiều vấn đề xã hội khác. Để khắc phục nghịch lý này, chúng ta cần áp dụng đồng thời nhiều trình độ khoa học và kỹ thuật mà các nước đi trước đã thực hiện ở những thời điểm khác nhau. Có như vậy chúng ta mới có thể từng bước hiện đại hoá nền kinh tế vừa khai thác được các nguồn lực và lợi thế của đất nước. Cụ thể hơn, chúng ta cần biết kết hợp giữa nhảy vọt thủ công lên hiện đại, với bước đi tuần tự từ thủ công: Nửa cơ khí, cơ khí, tự động hoá... đồng thời phát huy tính ưu việt, hiện đại hoá nền kỹ thuật truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Ở nước ta việc tiếp nhận chuyển giao và phát triển kỹ thuật cho quá trình Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá là hết sức cần thiết song quan trọng hơn là phải có cơ chế chính sách hợp lý để việc chuyển giao kỹ thuật đạt được mục tiêu khai thác và sử dụng có hiệu quả kinh tế, vừa bảo vệ môi trường sinh thái. Có như vậy, chúng ta mới

có được kỹ thuật mới, hiện đại có hàm lượng chất xám cao, kỹ thuật sạch kết hợp được các mục tiêu kinh tế và sinh thái.

Thứ hai: Công nghiệp hoá - hiện đại hoá được thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng XHCN lấy hiệu quả kinh tế-xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản. Trước đây, công nghiệp hoá được tiến hành theo cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp kế hoạch hoá cao độ thì giờ đây, công nghiệp hoá - hiện đại hoá được thực hiện theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Cơ chế thị trường tạo ra cơ hội và điều kiện thuận lợi cho con người tham gia vào các hoạt động kinh tế-xã hội đa dạng, cho sự dịch chuyển cơ cấu lao động, tạo cho con người có thể chủ động lựa chọn lao động và việc làm... Nói một cách khái quát, cơ chế thị trường có tác dụng làm chủ thể của quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá năng động, biết tính toán và luôn đề cao tính hiệu quả. Tuy nhiên, cơ chế thị trường cũng có nhiều hạn chế của nó mà nếu không được chủ động khắc phục, điều tiết thì quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá sẽ không đạt được mục tiêu ổn định xã hội và bền vững của môi trường. Thực tế, khách quan này đòi hỏi phải có sự quản lý của nhà nước thông qua hệ thống pháp luật và các chính sách kinh tế-xã hội .

Công nghiệp hoá - hiện đại hoá theo định hướng XHCN phải hướng vào việc ưu tiên phát triển sự tăng trưởng và phát triển của các ngành, các lĩnh vực, các thành phần kinh tế ... có khả năng đem lại tích lũy nhanh, lớn và hiệu quả kinh tế cao để đạt được mục tiêu dân giàu nước mạnh. Mặt khác, công nghiệp hoá - hiện đại hoá còn phải đảm bảo mục tiêu xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đảm bảo an ninh quốc gia và sự phát triển bền vững. Khi hiệu quả đạt được sẽ kéo theo hiệu quả xã hội và ngược lại đạt được hiệu quả xã hội sẽ tạo nên động lực thúc đẩy hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, không phải mọi lúc mọi nơi hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội đều tỷ lệ và song hành với nhau mà ta phải lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm thước đo chủ yếu quyết định chính sách, phương hướng phát triển, phương hướng đầu tư và trang bị kỹ thuật cho từng ngành từng thành phần kinh tế, từng doanh nghiệp .

Thứ ba: Công nghiệp hoá - hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, tất cả các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Quan điểm này thể hiện ở chỗ, trước hết công nghiệp hoá - hiện đại hoá phải xuất

phát từ lợi ích, nguyện vọng của nhân dân, đó là thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Bên cạnh đó sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá là do nhân dân thực hiện bằng sức lao động, tài năng, sự sáng tạo, bằng cả tài sản toàn dân, phát huy sức mạnh và lợi thế so sánh của các thành phần kinh tế với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Và, công nghiệp hoá - hiện đại hoá chỉ thực sự là sự nghiệp của nhân dân và do nhân dân khi xây dựng được và thực hiện tốt cơ chế phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng đường lối công nghiệp hoá - hiện đại hoá và kiểm tra quá trình thực hiện đường lối đó. Có thể nói rằng việc huy động mọi nguồn lực trong nhân dân vào quá trình phát triển kinh tế xã hội là biện pháp quan trọng bảo đảm sự thành công của công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước .

Thứ tư: Công nghiệp hoá - hiện đại hoá gắn liền với việc " xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ". Mở cửa nền kinh tế là sự đổi mới mang tính bước ngoặt trong tư duy và quan điểm của Đảng và nhà nước. Mở cửa cả bên trong lẫn bên ngoài là điều kiện để kết hợp sức mệnh của dân tộc với sức mệnh của thời đại, khai thác tổng hợp nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài cho công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng ta đã khẳng định: “ giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở rộng, hội nhập với khu vực và thế giới". Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ tức là xây dựng nền kinh tế mở dựa trên cơ sở phát triển hợp tác đa phương hướng mạnh vào xuất khẩu và thay thế nhập khẩu nhằm tạo ra nguồn vốn cho công nghiệp hoá - hiện đại hoá .

Thứ năm: khoa học và kỹ thuật được xác định là nền tảng và động lực của công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Về thực chất, công nghiệp hoá - hiện đại hoá là quá trình cải biến lao động thủ công, lạc hậu thành lao động sử dụng kỹ thuật, kỹ thuật hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội ngày càng cao. Do đó, nói đến công nghiệp hoá - hiện đại hoá là nói đến việc áp dụng những tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội. Trong thời đại ngày nay, khoa học và kỹ

thuật thực sự là nền tảng và là động lực của quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá. Phát triển khoa học và kỹ thuật, gắn khoa học và kỹ thuật với sản xuất và đời sống chính là mẫu chốt đảm bảo sự thành công của công nghiệp hoá hiện đại hoá. Nhận thức được điều đó, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết quan trọng về khoa học và kỹ thuật như: Tại hội nghị lần thứ VII, ban chấp hành TW khoá VII đã khẳng định : “Khoa học kỹ thuật là nền tảng của công nghiệp hoá hiện đại hoá ”: Hội nghị lần thứ II ban chấp hành TW khoá VIII một lần nữa nhấn mạnh: “Cùng với giáo dục-đào tạo, khoa học và kỹ thuật là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công XHCN. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải bằng và dựa vào khoa học-kỹ thuật”; Và tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX quan điểm: Coi phát triển khoa học và kỹ thuật là quốc sách hàng đầu là nền tảng, là động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Muốn vậy chúng ta phải gắn hoạt động nghiệp cứu khoa học và kỹ thuật với thực tiễn, với quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá, phải tăng cường vốn đầu tư và tìm ra động lực cho sự phát triển của bản thân nó. Động lực đó chính là lợi ích của những nhà nghiên cứu, phát minh, ứng dụng có hiệu quả của khoa học và kỹ thuật .

Thứ sáu: Công nghiệp hoá - hiện đại hoá phải lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Sự phát triển như vũ bão của khoa học và kỹ thuật hiện đại ngày nay đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất xã hội. Nếu trước đây quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá tập trung khai thác tài nguyên thiên nhiên thì bây giờ công nghiệp hoá - hiện đại hoá lại hướng vào việc khai thác con người, đặc biệt là tiềm năng trí tuệ của con người làm yếu tố cơ bản. Mặt khác, công nghiệp hoá

- hiện đại hoá không chỉ đơn thuần là đạt được mục tiêu tăng trưởng phát triển nhanh bền vững về lượng mà còn là về chất, trước hết là phúc lợi nhân dân. Do đó, quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá ngày nay đòi hỏi phải biết nuôi dưỡng, phát triển và khai thác có hiệu quả nguồn lực con người. Như vậy đối với nước ta, thực hiện đường lối công nghiệp hoá - hiện đại hoá đòi hỏi phải nỗ lực phát huy mọi lợi thế so sánh vốn có của đất nước, tận dụng mọi cơ hội để có thể nhanh chóng đạt được trình độ kỹ thuật tiên tiến, tranh thủ ứng dụng ở mức cao hơn, phổ biến hơn các thành tựu mới về khoa

học và kỹ thuật; từng bước phát triển nền kinh tế tri thức, lấy phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và kỹ thuật làm nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá .

3.Khoa học và kỹ thuật là lực lượng sản xuất hàng đầu.

3.1> Khoa học và kỹ thuật là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

Trong thời đại ngày nay, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước và đời sống xã hội không thể không dựa trên nền tảng vững chắc của khoa học và kỹ thuật hiện đại. Khi chúng ta nói đến vai trò nền tảng và động lực của khoa học và kỹ thuật trong tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá cũng là nói đến công nghiệp hoá - hiện đại hoá dựa trên cơ sở khoa học và kỹ thuật. Quan điểm này hơn một trăm năm trước CacMác đã từng dự báo: “ Theo đà phát triển của đại công nghiệp, việc tạo ra của cải thực tế trở nên ít phụ thuộc vào thời gian lao động và số lượng lao động đã chi phí hơn là vào sức mạnh của những tác nhân được khởi động trong thời gian lao động, và bản thân những tác nhân, đến lượt chúng (hiệu quả to lớn của chúng) tuyệt đối không tương ứng với thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra chúng, mà đúng ra, chúng phụ thuộc vào trình độ chung của khoa học và vào sự tiến bộ của kỹ thuật, hay là phụ thuộc vào sự ứng dụng khoa học ấy vào sản xuất”, và ngày nay cũng được Đảng và nhà nước ta khẳng định rõ trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt là trong nghị quyết các hội nghị TW VII (khoá VII), hội nghị TW II (khóa VIII) và kết luận Hội nghị TW VI (khóa IX) về phát triển khoa học kỹ thuật. Nhận định đó của CacMác ngày càng được thực tiễn phát triển khoa học và kỹ thuật xác nhận. Khoa học và kỹ thuật hiện đại không chỉ là yếu tố không thể thiếu trong đời sống kinh tế xã hội của một quốc gia mà còn là yếu tố then chốt trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, là yếu tố “quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển của các quốc gia”. Đối với nước ta hiện nay, vai trò của khoa học và kỹ thuật lại càng trở lên đặc biệt quan trọng khi mà chúng ta đang trên con đường rút ngắn giai đoạn phát triển để sớm trở thành một xã hội hiện đại. Ngay từ khi mới bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới đất nước , Đảng ta đã xác định: khoa học và kỹ thuật là lực lượng sản xuất trực tiếp quan trọng hàng đầu cho xã hội. Công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu

nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh phải dựa trên nền tảng và động lực của khoa học – kỹ thuật. Vai trò nền tảng chỉ được phát huy khi đất nước có một nền khoa học kỹ thuật phát triển, đủ khả năng giải quyết được những nhiệm vụ chủ yếu về khoa học và kỹ thuật do yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia đặt ra. Vai trò động lực của khoa học và kỹ thuật được thể hiện thông qua sự đổi mới không ngừng của kỹ thuật và sản phẩm, tạo ra năng suất, chất lượng, và sức cạnh tranh cao của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá đang là xu hướng của toàn nhân loại. Chỉ khi nào khoa học và kỹ thuật thực sự trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu thì vai trò nền tảng và động lực của nó mới trở nên vững chắc và mạnh mẽ. Đối với các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng, muốn đẩy nhanh tiến trình đổi mới đất nước thì điều tất yếu là phải tiến hành song song cả hai quá trình: vừa thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá vừa xây dựng và phát triển nền khoa học kỹ thuật trong hoàn cảnh tiềm lực kinh tế đất nước còn rất hạn hẹp và nhỏ bé. Điều này chỉ có thể thực hiện được một khi hoạt động khoa học và kỹ thuật gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội.

Trong thế kỷ XX, chúng kiến những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện đại đã và đang đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, làm chuyển biến mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của các quốc gia, và làm thay đổi sâu sắc mọi mặt của đời sống xã hội loài người. Mặt khác, trên bản đồ kinh tế thế giới, xuất hiện nhóm các nước mới công nghiệp hoá (NIC) sau chiến tranh thế giới thứ hai cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng và lan toả của các thành tựu khoa học và kỹ thuật thông qua quá trình chuyển giao và tiếp thu tri thức khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Bằng việc thực hiện đường lối công nghiệp hoá dựa vào khoa học và kỹ thuật, biết tận dụng các cơ hội để tiếp nhận và làm chủ nhanh chóng các kỹ thuật mới, thay đổi phương thức sản xuất dựa trên lao động thủ công và khai thác tài nguyên thiên nhiên sang ứng dụng các kỹ thuật cơ khí hoá, tự động hoá theo hướng tạo ra giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế mà các nước này nhanh chóng rút ngắn thời gian tiến hành công nghiệp hoá đất nước, tăng nhanh thu nhập bình quân đầu người, đồng thời khẳng định tiềm năng, vị thế của mình trên trường quốc tế.

Bước vào thế kỷ XXI, cả thế giới đang cuốn theo xu thế phát triển của nền kinh tế tri thức. Các nước phát triển đang chuyển dần sang nền kinh tế tri thức với đặc điểm là nền kinh tế biết khai thác, biết phát huy triệt để tiềm năng của chất xám, của những ý tưởng sáng tạo và đặc biệt là tri thức về khoa học và kỹ thuật phục vụ cho các mục tiêu chiến lược của xã hội. Xu thế này mở ra nhiều cơ hội mới cho các nền kinh tế đang phát triển với điểm xuất phát thấp nhằm định hướng chiến lược phát triển phù hợp với xu thế chung là thu hút và sử dụng tri thức khoa học và kỹ thuật để tiến hành công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Điều này đồng nghĩa với việc quốc gia nào xây dựng được khoa học và kỹ thuật đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, thích nghi, sáng tạo và sử dụng nhiều tri thức, nhất là tri thức khoa học và kỹ thuật, tạo ra môi trường thể chế năng động thì mới có thể thu hút được nhiều vốn đầu tư, kỹ thuật hiện đại và lao động có trình độ cao từ các quốc gia khác vì mục tiêu phát triển toàn diện.

Thực tế của nhiều nước trên thế giới cho thấy rằng nếu không có sự đầu tư thích đáng vào khoa học và kỹ thuật thì không thể thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Khoa học và kỹ thuật chính là chiếc chìa khoá thần kì để đất nước thoát khỏi cảnh nghèo nàn, lạc hậu, trong đó điển hình là các nước công nghiệp hoá mới. Qua đó, ta càng thấy rõ vai trò quyết định của tri thức khoa học và kỹ thuật, tri thức của toàn xã hội. Có tri thức mới có sáng tạo và sáng tạo trong lĩnh vực khoa học, kỹ thuật là hoạt động ở trình độ cao. Bởi vậy cần phải có sự đầu tư công phu và tốn kém vào việc xã hội hoá tri thức khoa học và kỹ thuật nhằm trang bị những tri thức nghề nghiệp kết hợp với tay nghề cao của những người trực tiếp sản xuất, trang bị những tri thức tổng hợp kết hợp với nghệ thuật điều hành của những người lãnh đạo và quản lý các cấp trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

3.2> Khoa học và kỹ thuật đối với sự phát triển kinh tế xã hội trong những năm đổi mới.

Sinh thời, Ph.Ăngghen đã từng nhấn mạnh rằng : “Sự phát sinh và phát triển của các ngành khoa học đã do sản xuất qui định” và nếu như các ngành khoa học có sự phát triển một cách nhanh chóng, một cách kỳ diệu thì sự kỳ diệu ấy cũng nhờ sản xuất mà có. Điều đó khẳng định rằng : Khoa học sẽ không thể phát triển nhanh được một khi nó không có môi trường thuận lợi, khi sản xuất và

đời sống xã hội chưa có đòi hỏi bức bách đối với khoa học. Trước đây, khi nền kinh tế đi theo cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, giáo điều bao cấp, nền kinh tế hàng hoá không có điều kiện để phát triển, không có sự cạnh tranh trong nội bộ ngành cũng như giữa các ngành nên sản xuất không cần đến những thành tựu mới của khoa học. Vì vậy, động lực động lực quan trọng và bức thiết nhất để thúc đẩy sự phát triển của khoa học và kỹ thuật gần như không có. Thậm chí nhiều thành tựu của các viện và các phòng nghiên cứu không thể đi vào đời sống, không đưa ra áp dụng được vào thực tế sản xuất. Hậu quả là khoa học và kỹ thuật và sản xuất không tìm được sự phối hợp hài hoà với nhau, hỗ trợ lẫn nhau phát triển. Phía sản xuất thì bằng lòng với cái cũ, cách làm cũ, trong khi đó khoa học và kỹ thuật lại thiếu một môi trường đầu tư đúng mức, hợp lý và mang lại hiệu quả cao.

Sau mười lăm năm tiến hành công cuộc đổi mới cùng với việc chuyển nền kinh tế bao cấp sang cơ chế thị trường thì khoa học và kỹ thuật nước ta bước đầu có nhiều chuyển biến tích cực. Khoa học và kỹ thuật đã thực sự phát huy được vai trò của mình trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá như Đảng và nhà nước ta đã khẳng định : “Công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước phải bằng và dựa vào khoa học và kỹ thuật “. Cho tới nay, nước ta đã có một tiềm lực khoa học và kỹ thuật đáng kể, lực lượng cán bộ khoa học và kỹ thuật tương đối đông đảo với trên 1,1 triệu cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng ; 30 000 cán bộ có trình độ trên đại học ,trong đó có trên 10 000 thạc sĩ, khoảng 12 000 tiến sĩ và trên 600 tiến sĩ khoa học, hơn 45 000 cán bộ khoa học làm việc trong khu vực nghiên cứu khoa học, 20 000 cán bộ giảng dạy ở các trường đại học và cao đẳng, 19 000 cán bộ khoa học làm việc trong khu vực sản xuất và khoảng 2 triệu công nhân kỹ thuật. Bình quân, có 190 cán bộ khoa học trên 10 000 dân. Về trình độ chuyên môn, cơ cấu tỷ lệ cán bộ có trình độ như sau: 28,6 % cao đẳng, 68,92 % đại học, 1,49 % thạc sĩ, 0,93% tiến sĩ tức là có 1 tiến sĩ thì có 1,61 thạc sĩ, 74,4 đại học và 30,9 cao đẳng. Thực tế cho thấy rằng, với đội ngũ cán bộ này, khả năng tiếp thu là tương đối nhanh và làm chủ được tri thức, kỹ thuật hiện đại trên một số ngành và lĩnh vực. Cùng với đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật đông đảo, chúng ta đã xây dựng được một mạng lưới với khoảng 1050 tổ chức khoa học và kỹ thuật thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó có hơn 450 tổ chức ngoài nhà nước. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các viện, trung tâm nghiên cứu, các

phòng thí nghiệm, các trung tâm thông tin khoa học và kỹ thuật, thư viện cũng được tăng cường và nâng cấp.

Cùng với quá trình đổi mới cơ chế kinh tế, cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật từng bước được đổi mới theo hướng mở rộng liên kết giữa nghiên cứu với sản xuất, kinh doanh; nhờ đó đã nâng cao được hiệu quả hoạt động khoa học và kỹ thuật, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Tuy nhiên, cho tới nay, nền khoa học và kỹ thuật nước ta vẫn đang trong tình trạng lạc hậu, chậm phát triển, chưa đáp ứng được đúng và đủ nhu cầu của đất nước. Tuy số lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật lớn nhưng tỷ lệ cán bộ nghiên cứu ứng dụng chỉ đạt tỷ lệ 4 người trên 1000 dân, xếp vào loại thấp nhất thế giới. Về cơ cấu lực lượng lao động kỹ thuật, do giáo dục nghề nghiệp kể cả trung học chuyên nghiệp và dạy nghề chưa được tập trung đẩy mạnh nên mối quan hệ của các lực lượng này vẫn còn chưa hợp lý, khoa học, do đó tạo nên xu thế bất lợi “nhiều thầy, ít thợ”. Tỷ lệ giữa cán bộ khoa học kỹ thuật/ nhân viên kỹ thuật/ công nhân kỹ thuật và nhân viên nghiệp vụ có bằng hoặc chứng chỉ cũng chỉ là 1/ 1,04 / 8,86. Về cơ cấu lứa tuổi, tuổi bình quân của các cán bộ khoa học, kỹ thuật nước ta hiện nay là 40,2 (trong đó nam 42,7 tuổi và nữ là 37,0 tuổi). Trình độ càng cao, tuổi càng lớn đó là điều mang tính quy luật, tuy nhiên trong cơ cấu lứa tuổi của các loại hình trình độ, có thể quan sát thấy được một sự cách biệt đáng chú ý , đó là : Tuổi bình quân của các cán bộ khoa học và kỹ thuật có trình độ cao đẳng là 38,2 tuổi ; Đại học là 40,9 tuổi ; Thạc sỹ là 42,6 tuổi và tiến sỹ là 52,6 tuổi; Số cán bộ khoa học và kỹ thuật ở độ dưới tuổi 25 chỉ chiếm 9,06 % ; Trong khi số cán bộ khoa học và kỹ thuật ở độ tuổi trên 55 lên tới 13,55 % . Mặt khác, nhiều chính sách như chính sách thuế, chính sách tín dụng, chính sách xuất nhập khẩu và chính sách kinh tế nói chung chưa khuyến khích cả khoa học và kỹ thuật lẫn sản xuất trong nước. Sự ứng dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật trong nước không mang lại lợi ích cao hơn ngoại nhập. Thêm đó, nguồn vốn chi cho hoạt động khoa học và kỹ thuật của nước ta là quá thấp, chỉ đạt khoảng 1 % ngân sách nhà nước. Chi phí cho nghiên cứu triển khai bình quân hàng năm cho mỗi cán bộ khoa học và kỹ thuật của ta cũng rất thấp, khoảng dưới 1000 USD. Có thể nói về trình độ kỹ thuật – kỹ thuật, so với các nước tiên tiến trên thế giới , chúng ta lạc hậu từ 50 đến 100 năm, so với các nước tiên tiến ở mức trung bình ta lạc hậu từ 1 đến 2 thế hệ.

Với thực trạng đó, để khoa học và kỹ thuật nước ta thực sự trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu trong nền kinh tế xã hội của đất nước trong những năm đổi mới thì việc phát triển khoa học và kỹ thuật không chỉ được coi là tất yếu khách quan mà còn là một đòi hỏi bức thiết để đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

Về khoa học xã hội và nhân văn: trong thời kỳ đổi mới đã có những đóng góp tích cực vào việc phát triển lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng XHCN ở nước ta. Cùng với các nghiên cứu lý luận cơ bản nhằm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đóng góp cho việc chuẩn bị các văn kiện Đảng, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội qua các thời kỳ... thì khoa học xã hội và nhân văn còn hướng vào việc giải quyết nhiều vấn đề cụ thể, bức xúc trong thực tiễn phát triển kinh tế xã hội như : vấn đề toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực đối với tăng trưởng của Việt Nam, các vấn đề về tôn giáo, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Khoa học tự nhiên phát huy được thế mạnh, đi sâu vào nghiên cứu các vấn đề lý thuyết mang tính ứng dụng cao, tiếp cận có hiệu quả một số bộ môn lý thuyết như toán, vật lý ứng dụng ... ngang tầm với trình độ của thế giới. Cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu về khoa học tự nhiên đem lại chất lượng cao khi mang vào ứng dụng như nghiên cứu thu và xử lý ảnh vệ tinh có độ phân giải cao để theo dõi tình trạng cháy rừng, kỹ thuật viễn thám, địa chất vật lý, thăm dò dầu khí ...

Khoa học và kỹ thuật đã có khả năng thích nghi và làm chủ nhiều kỹ thuật tiên tiến ngoại nhập trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là viễn thông, năng lượng, dầu khí, cơ khí lắp ráp xe máy, ô tô và các loại hàng điện tử dân dụng, sản xuất vật liệu xây dựng ... Nhiều vấn đề cấp bách, có ý nghĩa quan trọng với quốc kế dân sinh do thực tiễn đặt ra đã được lực lượng khoa học và kỹ thuật nước ta nghiên cứu và đưa ra giải pháp hữu hiệu như : cơ sở khoa học cho các phương án phòng chống thiên tai đặc biệt là phương án kiểm soát lũ ở các vùng đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long... Các giải pháp chống sa mạc hoá ở vùng ven biển miền Trung, sản xuất vắc xin phòng chống viêm gan B. Đặc biệt, trong các ngành nông nghiệp và thủy sản, khoa học và kỹ thuật góp phần lai tạo nhiều giống cây

con có năng suất, chất lượng cao. Các giống lúa lai, ngô lai của Việt Nam chiếm lĩnh 65 % thị phần trong nước. Chúng ta còn nghiên cứu thành công kỹ thuật nuôi tôm sú nước mặn, nước lợ và nước ngọt, năng suất từ vài tạ trên một ha đã tăng lên 2 đến 3 tấn một ha. Nhờ có khoa học và kỹ thuật mà ngành nông nghiệp đã tạo ra mức tăng sản lượng lương thực từ 30,6 triệu tấn (1997) lên 34,7 triệu tấn (năm 2000)...

Những thành quả trên bước đầu đã cho thấy tiềm năng to lớn của khoa học và kỹ thuật nước ta có thể tạo ra động lực thúc đẩy nhanh chóng quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước .

3.3> Để khoa học và kỹ thuật thực sự trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Mục tiêu của công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước đến những năm 2020 là về cơ bản, nước ta trở thành một nước công nghiệp. Khác với các nước đi đầu, công nghiệp hoá đòi hỏi phải kéo dài hàng thế kỷ thì công nghiệp hoá ở nước ta đòi hỏi phải thực hiện rút ngắn, “ đi tắt , đón đầu ”. Có như vậy chúng ta mới có thể rút ngắn được khoảng cách và tiến tới đuổi kịp các nước phát triển. Công nghiệp hoá không chỉ là quá trình chuyển trạng thái kinh tế - xã hội của đất nước từ trạng thái năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp, dựa vào sản xuất nông nghiệp, sử dụng lao động thủ công là chính sang trạng thái năng suất, chất lượng và hiệu quả cao dựa trên phương pháp sản xuất công nghiệp, vận dụng những thành tựu mới của khoa học và những kỹ thuật tiên tiến mà ta còn có thể xem công nghiệp hoá là một quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành có hàm lượng khoa học và kỹ thuật cao, giá trị tăng cao. Vì thế nếu không đẩy mạnh phát triển khoa học và kỹ thuật thì cũng không thể nói đến đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Cùng với đó, yêu cầu đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường cũng đòi hỏi chúng ta phải phát triển khoa học và kỹ thuật. Đây vừa là cơ hội, để tận dụng lợi thế của các nước phát triển sau, vừa là thách thức đòi hỏi phải vượt qua. Đẩy mạnh phát triển khoa học và kỹ thuật đối với nước ta không chỉ bắt nguồn từ đòi hỏi bức xúc của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá và quá trình phát triển nền kinh tế thị trường mà còn bắt nguồn từ yêu cầu phát triển đất nước theo định hướng XHCN mà về bản chất là một kiểu định hướng tổ chức nền kinh tế xã hội vừa dựa trên

nguyên tắc và quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên nguyên tắc và mục tiêu của CNXH. Muốn đạt được điều đó, chúng ta cần có sự nỗ lực và sáng tạo rất cao, mà nếu không đủ trình độ trí tuệ, không đủ năng lực nội sinh thì khó có thể thành công. Do vậy, đẩy mạnh phát triển khoa học và kỹ thuật trở nên rất quan trọng và bức thiết. Muốn vậy, chúng ta phải thực hiện một số phương pháp sau :

Một là, tạo ra được động lực cho sự phát triển khoa học và kỹ thuật. Động lực phát triển khoa học và kỹ thuật luôn luôn vận động từ hai phía : khoa học và sản xuất. Do vậy, chúng ta cần phải khuyến khích người sản xuất tự tìm đến khoa học, coi khoa học và kỹ thuật là yếu tố sống còn và phát triển của doanh nghiệp. Chỉ có như vậy mới có thể thúc đẩy nhu cầu về khoa học và kỹ thuật, các nhà khoa học mới có cơ hội để phát huy triệt để năng lực của mình . Để tạo được năng lực này, chúng ta cần phải :

- Hình thành cơ chế chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp làm việc có hiệu quả bằng cách ứng dụng khoa học, triển khai kỹ thuật.
- Cho phép các doanh nghiệp dùng vốn của mình để sử dụng và phát triển khoa học.
- Sớm sửa đổi và hoàn thiện các chính sách miễn và giảm thuế cho các doanh nghiệp sử dụng kỹ thuật tiên tiến, đổi mới kỹ thuật, đổi mới sản phẩm. Đánh thuế cao đối với các doanh nghiệp sử dụng kỹ thuật lạc hậu, tiêu tốn nguyên liệu và nhiên liệu, gây ô nhiễm môi trường ...

Đối với những người làm khoa học, chúng ta cần phải đảm bảo cho có được mức thu nhập tương ứng với giá trị lao động mà họ đã bỏ ra, trang bị cơ sở vật chất cần thiết để làm việc, khuyến khích tạo điều kiện để cán bộ khoa học và kỹ thuật là người Việt Nam sống ở nước ngoài chuyên giao tri thức , kỹ thuật về nước .

Hai là, tạo vốn cho hoạt động khoa học và kỹ thuật .Vốn là nguồn lực để phát triển khoa học và kỹ thuật. Nếu không có hoặc thiếu vốn thì đều không có đủ điều kiện để thực hiện các mục tiêu khoa học và kỹ thuật. Kinh nghiệm ở các nước cho thấy vấn đề phát triển khoa học và kỹ thuật thường được huy động từ hai phía nhà nước và khu vực doanh nghiệp, trong đó phần nhiều là từ các nhà

doanh nghiệp. Tại hội nghị ban chấp hành TW khoá VIII lần hai, Đảng ta đưa ra chính sách đầu tư khuyến khích hỗ trợ phát triển khoa học và kỹ thuật, theo đó một phần vốn ở các doanh nghiệp được dành cho nghiên cứu, đổi mới kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực. Một phần vốn từ các chương trình kinh tế - xã hội và dự án được dành để đầu tư cho khoa học và kỹ thuật nhằm đẩy mạnh việc nghiên cứu, triển khai và đảm bảo hiệu quả của dự án. Tăng dần tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hàng năm cho khoa học và kỹ thuật đạt không dưới 2 % tổng chi ngân sách nhà nước .

Ba là, mở rộng quan hệ quốc tế về khoa học và kỹ thuật. Có thể nói, đây là điều kiện rất quan trọng để phát triển khoa học và kỹ thuật. Nếu không thực hiện có hiệu quả quan hệ hợp tác và trao đổi quốc tế về nghiên cứu - triển khai ... thì không thể tiếp nhận được khoa học và kỹ thuật tiên tiến của nhân loại, không thể tranh thủ nhân tố ngoại sinh hết sức cần thiết để làm biến đổi các nhân tố nội sinh, thúc đẩy năng lực khoa học và kỹ thuật quốc gia. Chúng ta cần coi trọng hợp tác nhằm phát triển các ngành kỹ thuật cao, ưu tiên hợp tác đầu tư nước ngoài vào phát triển khoa học và kỹ thuật, chỉ nhập khẩu và tiếp nhận chuyển giao những kỹ thuật tiên tiến phù hợp với khả năng của chúng ta .

Bốn là, tăng nguồn nhân lực khoa học và kỹ thuật. Nguồn nhân lực khoa học và kỹ thuật là lực lượng chủ yếu của công nghiệp hoá - hiện đại hoá và triển khai khoa học và kỹ thuật. Thiếu nguồn lực này thì không thể nói tới sự phát triển. Vì vậy, chúng ta cần đẩy nhanh việc đào tạo các cán bộ khoa học và kỹ thuật, nhất là cho các ngành kinh tế trọng yếu và các ngành kỹ thuật cao; trẻ hoá đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật trong các cơ sở nghiên cứu, các trường học và các cơ sở kinh doanh, đẩy nhanh tốc độ phát triển thị trường nhân lực khoa học và kỹ thuật.

Năm là, tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý hoạt động khoa học - kỹ thuật. Hệ thống này đóng vai trò phân phối, tập trung và quản lý lực lượng cán bộ khoa học và kỹ thuật, đảm bảo tính hiệu quả của các mục tiêu phát triển. Một trong những nguyên nhân khiến cho khoa học và kỹ thuật quốc gia hiện nay còn thua kém các nước trên thế giới là do tổ chức quản lý khoa học và kỹ thuật còn kém hiệu quả. Vì vậy, việc tiếp tục đổi mới hệ thống này theo hướng nhà nước thống nhất quản lý các hoạt động khoa học và kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược

nhằm phát triển tiềm lực, đón đầu và phát triển những kỹ thuật mới có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ nền kinh tế.

Những giải pháp này luôn có mối liên hệ mật thiết và tác động qua lại lẫn nhau. Do vậy, việc thực hiện đồng bộ chúng sẽ mang lại hiệu quả cao trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

4> Chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật.

Việt Nam coi khoa học - kỹ thuật là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, là “ lực lượng sản xuất hàng đầu” trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá, phát triển nhanh, bền vững đất nước. Nghị quyết hội nghị lần thứ hai, ban chấp hành TW khoá VIII của Đảng cộng sản Việt Nam ngày 24 -12 - 1996 đã vạch ra định hướng chung của chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật đến năm 2020 là :

- Vận dụng sáng tạo và phát triển Chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, đi sâu điều tra, nghiên cứu thực tế, tổng kết sâu sắc quá trình đổi mới đất nước. Xây dựng, không ngừng phát triển và hoàn thiện hệ thống lý luận về con đường đi lên CNXH của Việt Nam, cung cấp luận cứ khoa học cho việc tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc tổ quốc XHCN.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng an ninh, nhanh chóng nâng cao trình độ kỹ thuật của đất nước. coi trọng nghiên cứu cơ bản, làm chủ và cải tiến các kỹ thuật nhập từ bên ngoài tiến tới sáng tạo ngày càng nhiều kỹ thuật mới ở những khâu quyết định đối với sự phát triển của đất nước trong thế kỷ XXI.
- Nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và kỹ thuật của nhà nước: Đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật có đủ đức, đủ tài, kiện toàn hệ thống tổ chức, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng các nguồn cung cấp thông

tin, từng bước hình thành một nền khoa học và kỹ thuật hiện đại của Việt Nam có khả năng giải quyết phần lớn những vấn đề then chốt được đặt trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá .

Để thực hiện được mục tiêu chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật , đưa khoa học và kỹ thuật nước ta thực sự trở thành nền tảng và động lực cho quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá, trong giai đoạn tới chúng ta cần tập trung thực hiện các giải pháp cơ bản sau:

Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế và hoàn thiện hệ thống pháp luật để khoa học và kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu trong phát triển kinh tế xã hội. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới kỹ thuật, ứng dụng khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, quan tâm tới hiệu quả khi lựa chọn kỹ thuật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi nỗ lực của các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu và các cá nhân tiếp cận, vận dụng, nghiên cứu và phát triển khoa học và kỹ thuật theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước .

Đổi mới quản lý khoa học và kỹ thuật là ưu tiên phát triển kỹ thuật cao. Đây là một giải pháp có ý nghĩa đột phá. Trong giai đoạn tới, chúng ta cần chuyển đổi căn bản cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật hiện nay còn nặng về hành chính, bao cấp sang cơ chế mới dựa trên nguyên tắc hướng dẫn, phân cấp, hướng tới thị trường và phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và kỹ thuật ; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học và kỹ thuật. Đặc biệt chú trọng chính sách đối với cán bộ khoa học và kỹ thuật trong đào tạo, tuyển dụng, đãi ngộ nhằm tạo động lực thu hút và khuyến khích nhân tài cống hiến cho sự nghiệp khoa học và kỹ thuật. Đồng thời cần sắp xếp lại các tổ chức khoa học và kỹ thuật phù hợp với từng loại hình hoạt động và định hướng ưu tiên về phát triển khoa học và kỹ thuật.

Xây dựng và phát triển thị trường khoa học và kỹ thuật. Trước hết cần xây dựng năng lực đổi mới kỹ thuật và tạo nhu cầu mạnh mẽ từ phía doanh nghiệp thông qua việc tăng cường hỗ trợ của nhà nước nhằm nâng cao năng lực đổi mới kỹ thuật của doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng sản phẩm khoa học và kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống như : dành tỷ lệ thích đáng kinh phí khoa học và kỹ thuật của nhà nước cho việc hỗ trợ, hoàn thiện sản phẩm nghiên

cứu có khả năng thương mại hoá, hoàn thiện quy trình, quy phạm giám định về độ tin cậy, chất lượng, an toàn và giá cả của kỹ thuật trước chuyển giao. Phát triển các dịch vụ môi giới về thị trường khoa học và kỹ thuật, kể cả nước ngoài. Phát triển các tổ chức tư vấn khoa học và kỹ thuật, dịch vụ môi giới về kỹ thuật, cung cấp thông tin thị trường khoa học và kỹ thuật. Xây dựng các chợ kỹ thuật (techmart) làm cầu nối giữa cung và cầu của kỹ thuật. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho phát triển thị trường khoa học và kỹ thuật, đặc biệt là các văn bản pháp luật về bảo vệ sở hữu trí tuệ.

Phát triển tiềm lực khoa học và kỹ thuật, tập trung đầu tư xây dựng các lĩnh vực khoa học và kỹ thuật trọng điểm quốc gia. Có như vậy mới nhanh chóng rút ngắn khoảng cách với khu vực và quốc tế, phục vụ có hiệu quả cho mục tiêu kinh tế xã hội trong giai đoạn tới. Thực hiện xã hội hoá đầu tư cho khoa học và kỹ thuật. Một mặt tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước để xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật và các nguồn lực cho các hướng khoa học và kỹ thuật ưu tiên trọng điểm quốc gia. Mặt khác xoá bỏ bao cấp tràn lan, tạo môi trường thuận lợi để huy động nguồn lực xã hội nhằm gắn kết khoa học và kỹ thuật với sản xuất và đời sống.

Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học và kỹ thuật. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, hợp tác quốc tế về khoa học và kỹ thuật có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt với nước ta hiện nay. Định hướng giải pháp về hợp tác khoa học và kỹ thuật trong những năm tới là tạo ra cơ chế, chính sách thuận lợi để các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và kỹ thuật được học tập, đào tạo, giao lưu, hợp tác nghiên cứu với thế giới và khu vực. Đồng thời khuyến khích, thu hút cán bộ khoa học Việt Nam ở nước ngoài đầu tư, liên kết, hợp tác phát triển khoa học và kỹ thuật tại Việt Nam . Chúng ta đang đứng trước những thách thức to lớn trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập, xu thế phát triển mạnh mẽ của khoa học và kỹ thuật cũng như nền kinh tế dựa trên tri thức. Nhưng điều này càng khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của khoa học và kỹ thuật trong tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Để cho khoa học và kỹ thuật thực sự trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu cho sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá, chúng ta cần phải quán triệt quan điểm phát triển khoa học và kỹ thuật trong toàn Đảng, toàn dân.

Kết luận.

Công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng XHCN ở nước ta hiện nay đang bước vào thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Vì vậy, đòi hỏi chúng ta phải nhận thức một cách sâu sắc, đầy đủ những giá trị lớn lao của học thuyết Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội. Đây là cơ sở lý luận cho đường lối cách mạng của Đảng cộng sản, so sánh con đường cách mạng của giai cấp vô sản và quần chúng nhân dân trong sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới XHCN. Khi tiến hành phân tích hình thái kinh tế - xã hội TBCN, Các Mác đã khẳng định: Sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên, song không phải quốc gia, dân tộc nào cũng nhất thiết phải trải qua tất cả các hình thái đã có trong lịch sử. Do những điều kiện khách quan và chủ quan nhất định, một quốc gia, một dân tộc có thể bỏ qua một hình thái kinh tế - xã hội nhất định nào đó. Với Việt Nam, con đường phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là con đường phát triển tất yếu, khách quan hợp quy luật và về thực chất đó chính là quá trình thực hiện Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước theo phương thức "rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có những bước nhảy vọt" Nhằm tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực nhằm phát triển nhanh lực lượng sản xuất và xây dựng nền kinh tế hiện đại. Mọi sự phát triển rút ngắn đều phải nhằm mục đích cuối cùng là tạo ra sự phát triển vượt bậc thậm chí nhảy vọt của lực lượng sản xuất. Tuy nhiên dù phát triển tuần tự hay phát triển rút ngắn thì cũng đều là sự phát triển liên tục của lực lượng sản xuất. Tại đại hội IX- đại hội đầu tiên trong thế kỷ XXI, dựa trên lý luận và thực tiễn sau mười lăm năm đổi mới đất nước theo định hướng XHCN trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin Đảng ta đã khẳng định: "con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng tiếp thu, thừa kế những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN, đặc biệt về khoa học và kỹ thuật, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại." (Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB chính trị quốc gia HN 2001, Trang 84). Như vậy trong sự nghiệp Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước không thể không dựa trên nền tảng vững chắc của khoa học- kỹ thuật hiện

đại. Hơn nữa cần biết phát huy những lợi thế của đất nước và tận dụng được những khả năng vốn có, đồng thời tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và kỹ thuật. Có như vậy chúng ta mới có thể phát huy được nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần vốn có của Việt Nam để biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp như CacMác đã từng dự báo và làm cho khoa học, kỹ thuật trở thành nền tảng, động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Giáo trình triết học Mác-Lênin.** NXB chính trị quốc gia- 2002
2. Phân viện báo chí và tuyên truyền-Bộ môn khoa học luận. **Danh từ, thuật ngữ khoa học, kỹ thuật và khoa học về khoa học.** NXB khoa học kỹ thuật. Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây-2002
3. **Khoa học và kỹ thuật thế giới. Kinh nghiệm và định hướng chiến lược.** NXB bộ khoa học, kỹ thuật và môi trường-2002. Trung tâm thông tin tư liệu khoa học và kỹ thuật quốc gia .
4. **Khoa học và kỹ thuật Việt Nam 1996-2000.** NXB Bộ khoa học, kỹ thuật và môi trường -2001.
5. GS,TS: Nguyễn Trọng Chuẩn; PGS,TS: Nguyễn Thế Nghĩa; PGS,TS: Đặng Hữu Toàn (đồng chủ biên). **Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam. lý luận và thực tiễn.** NXB chính trị quốc gia Hà Nội- 2002
6. PGS,TS: Đặng Hữu Toàn. **Chủ nghĩa Mác-Lênin và công cuộc đổi mới ở Việt Nam**
7. Đỗ Đức Thịnh. **Công nghiệp hoá, hiện đại hoá: Phát huy lợi thế so sánh. Kinh nghiệm của các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á.** NXB chính trị quốc gia-1999
8. **Tạp chí cộng sản tháng 10-2003**

9.	MỤC LỤC	
10. <u>Phân mở</u>		1
<u>Chương I</u> : Nguồn gốc và cơ sở lý luận		4
1 . Lực lượng sản xuất trong lý luận hình thái kinh tế xã hội của Mác		4
2 . Vai trò tất yếu của khoa học và kỹ thuật trong nền kinh tế toàn cầu		7
<u>Chương II</u> : Công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở Việt Nam		11
1. Sự hình thành và phát triển công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở Việt Nam.		
1.1 Công nghiệp hoá - hiện đại hoá là gì ?		11
1.2 Công nghiệp hoá - hiện đại hoá là quá trình tất yếu của đất nước		13
2. Tính đặc thù của công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở Việt Nam		18
3. Khoa học và kỹ thuật là lực lượng sản xuất quan trọng hàng đầu		23
3.1 Khoa học và kỹ thuật là nền tảng và động lực của sự nghiệp Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá		23
3.2 Khoa học và kỹ thuật đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong những năm đổi mới		26
3.3 Để khoa học và kỹ thuật thực sự trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu trong quá trình Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước		29
4. Chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật		32
<u>Kết luận</u>		36

